

Bản án số: **01/2025/KDTM-ST**

Ngày 21/01/2025

V/v: “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Lương Quang Thanh

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Đinh Quang Tuyến

2. Bà Nguyễn Tường Diễm Linh Giang

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hiền Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang:**
Bà Cao Thị Nhung – Kiểm sát viên

Trong ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 22/2023/TLST-KDTM ngày 24 tháng 11 năm 2023, về “**Tranh chấp hợp đồng dịch vụ**”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-KDTM, ngày 07 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty TNHH D

Trụ sở chính: Số C B, khu phố B, phường D, thành phố P, Kiên Giang.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Công N – Chức vụ: Tổng giám đốc.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông N: Ông Đoàn Minh T, sinh năm 1968 (có mặt). Địa chỉ: Ấp B, xã H, thành phố P, Kiên Giang.

- **Bị đơn:** Công ty cổ phần Đ1

Địa chỉ: Khu phố G, phường D, thành phố P, Kiên Giang.

Đại diện theo pháp luật: Bà Cao Thị H – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đại diện theo uỷ quyền của bà H: Ông Nguyễn Trí Đ, sinh năm 2006. (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn – công ty TNHH D (công ty D) trình bày:

* Ngày 18/02/2023, công ty TNHH D ký hợp đồng dịch vụ bảo vệ số 09/2023/HĐV-BVHL với công ty cổ phần Đ1 theo đó công ty B dịch vụ bảo vệ cho khu vực quán I tại khu phố G, phường D, thành phố P, Kiên Giang. Thời hạn hợp đồng là 12 tháng. Phí dịch vụ hàng tháng là 36.000.000 đồng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT), thời gian thanh toán là vào ngày 01 đến ngày 05 hàng tháng, đồng thời công ty bảo vệ nhận bàn giao tài sản để bảo vệ từ ngày 19/02/2023.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng, bên phía công ty cổ phần Đ1 có thanh toán theo hợp đồng nhưng đến tháng 06/2023 thì công ty chỉ thanh toán 20.000.000 đồng, trong khi đó giá trị hợp đồng là 39.600.000 đồng/tháng đã bao gồm VAT nên công ty cổ phần X còn nợ lại 19.600.000 đồng. Đến tháng 07/2023 nợ tiếp số tiền 38.880.000 đồng/tháng và tháng 08/2023 nợ tiếp số tiền 38.880.000 đồng/tháng. Ngày 31/08/2023, công ty D chấm dứt hợp đồng và bàn giao lại toàn bộ số tài sản đã nhận ngày 19/02/2023. Tổng số tiền công ty cổ phần Đ1 còn nợ công ty D là 97.360.000 đồng. Công ty D đã liên hệ công ty cổ phần Đ1 yêu cầu trả tiền nhưng công ty không trả.

Do chính sách thuế của nhà nước thay đổi nên thuế giá trị gia tăng thay đổi từ 10% xuống 8% từ tháng 06/2023, nên số tiền thuế theo hoá đơn trong 03 tháng 6, 7, 8/2023 có thay đổi từ 39.600.000 đồng/tháng xuống 38.880.000 đồng nên công ty TNHH D khởi kiện yêu cầu Toà án: Buộc công ty cổ phần Đ1 trả số tiền 96.640.000 đồng (chín mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

Trích bản lời khai ngày 01/04/2024 của bị đơn – Công ty cổ phần Đ1:

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bảo vệ cho Công ty cổ phần Đ1 do bà Cao Thị H làm đại diện theo pháp luật, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Do làm ăn khó khăn kéo dài nên công ty cổ phần Đ1 có thiếu tiền bên công ty D hai (02) tháng lương, theo hợp đồng là: 36.000.000 VND (Bằng chữ: Ba mươi sáu triệu đồng)/một tháng.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nhân viên của công ty D liên tục gọi điện thoại có lúc có dùng những lời lẽ thô tục để nói chuyện. Theo nguyên tắc hợp đồng thì khi bên nào vi phạm hợp đồng thì bên còn lại sẽ đơn phương chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước 15 ngày. Tuy nhiên bên công ty D đã không làm theo nguyên tắc này mà đã đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không có bất kỳ văn bản nào mà chỉ nói bằng miệng và rút hết bảo vệ. Điều này làm cho công ty cổ phần Đ1 bị gián đoạn công việc, không người trông coi, làm ảnh hưởng đến công việc cũng như kinh tế của công ty.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc có ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, tuy nhiên vụ án đến nay đã quá thời hạn xét xử. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự và thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng. Về thành phần Hội đồng xét xử đúng với quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn – công ty cổ phần Đ1 và đại diện theo uỷ quyền của công ty đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng người đại diện của công ty vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty TNHH D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận nghị án Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn công ty cổ phần Đ1 có địa chỉ trụ sở chính tại số F T, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Theo hợp đồng dịch vụ số 09/2023/HĐDV-BVHL các bên đương sự thoả thuận khi có tranh chấp hợp đồng dịch vụ, Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc có thẩm quyền giải quyết. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, Điều 30; Điểm b, khoản 1, Điều 35; Điểm b, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc vắng mặt của đương sự:

Bị đơn – công ty cổ phần Đ1 và đại diện theo uỷ quyền của công ty đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng người đại diện của công ty vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty TNHH D, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đối với bị đơn - công ty cổ phần Đ1 sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, bị đơn đã có văn bản trình bày ý kiến chỉ thừa nhận nợ nguyên đơn 02

tháng tiền dịch vụ, nhưng không xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quan điểm của mình và không cung cấp chứng từ thanh toán các tháng còn lại để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ.

Hợp đồng dịch vụ số 09/2023/HĐDV-BVHL ngày 18/02/2023 được các bên đương sự ký kết trên cơ sở thoả thuận tự nguyện, theo đó công ty B dịch vụ bảo vệ cho khu vực quán I tại khu phố G, phường D, thành phố P, Kiên Giang. Thời hạn hợp đồng là 12 tháng. Phí dịch vụ hàng tháng là 36.000.000 đồng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT), thời gian thanh toán là vào ngày 01 đến ngày 05 hàng tháng. Hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với Điều 513, Điều 514 của Bộ luật Dân sự năm 2015 Điều 74 của Luật Thương mại năm 2005 do đó, hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ bảo vệ số: 09/2023/HĐDV-BVHL ngày 18/02/2023 có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên; Đến ngày 31 tháng 8 năm 2023, nguyên đơn chấm dứt hợp đồng và bàn giao lại toàn bộ tài sản tại khu vực quán I cho bị đơn (theo biên bản bàn giao ngày 31 tháng 8 năm 2023).

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền dịch vụ cho nguyên đơn từ ngày 19/02/2023 đến hết ngày 31/05/2023 đã được Công ty TNHH D thừa nhận. Từ ngày 01/06/2023 đến ngày 31/08/2023, nguyên đơn đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000210 ngày 01/07/2023 số tiền 38.880.000 đồng, bị đơn đã thanh toán số tiền 20.000.000 đồng nên còn thiếu lại số tiền 18.880.000 đồng. Ngày 02/08/2023 và ngày 31/08/2023 nguyên đơn xuất 02 hoá đơn tháng 7, tháng 8 năm 2023 với tổng số tiền dịch vụ là 77.760.000 đồng gửi cho bị đơn nhưng bị đơn không thanh toán cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán và vi phạm hợp đồng. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn phí dịch vụ là 96.640.000 đồng.

Từ những căn cứ nêu trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán phí dịch vụ bảo vệ số tiền 96.640.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Về án phí: Bị đơn công ty cổ phần Đ1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền 96.640.000 đồng là 4.832.000 đồng.

Nguyên đơn công ty TNHH D không phải chịu án phí mà được hoàn trả số tiền 2.434.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009692 ngày 13/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 147; 227; 228; 266; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 280, 513, 514 và 519 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ vào Điều 74 của Luật Thương mại năm 2005
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty TNHH D đối với công ty cổ phần Đ1.

Buộc công ty cổ phần Đ1 có nghĩa vụ trả cho công ty TNHH D số tiền 96.640.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Công ty cổ phần Đ1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền 96.640.000 đồng là 4.832.000 đồng.

Công ty TNHH D không phải chịu án phí mà được hoàn trả số tiền 2.434.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009692 ngày 13/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố Phú Quốc;
- Chi cục THA dân sự thành phố Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Quang Thanh